

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO ngày 17/7/2025

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ về dự án Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân (sau đây gọi là dự án Nghị quyết) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 22/11/2012, Quốc hội thông qua Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) số 04/2007/QH12, có hiệu lực thi hành từ 01/7/2013. Tại khoản 4 Điều 1 Luật Thuế TNCN số 26/2012/QH13 quy định: "*Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo*".

Ngày 02/6/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh (GTGC) của thuế TNCN, theo đó: Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm); Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020.

Tại Nghị quyết số 1326/NQ-UBTVQH15 ngày 23/12/2024 của UBTVQH về chương trình công tác của UBTVQH năm 2025 thì dự kiến UBTVQH sẽ xem xét, thông qua Nghị quyết về điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN tại Phiên họp thứ 50 (tháng 10/2025) của UBTVQH.

Theo đó, kể từ thời điểm năm 2020, trường hợp CPI biến động trên 20% thì Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức GTGC quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê) đã công bố thì chỉ số CPI năm 2020 tăng 3,23%, CPI năm 2021 tăng 1,84%, CPI năm 2022 tăng 3,15%, CPI năm 2023 tăng 3,25% và CPI năm 2024 tăng 3,63%.

Theo Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, trong đó tại khoản b Điều 1 điều chỉnh chỉ tiêu "Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5 - 5%".

Theo đó, với mức biến động CPI năm 2025 dự kiến từ 4,5-5% thì biến động chỉ số CPI từ 2020 đến hết 2025 theo tính toán của Cục Thống kê sẽ vượt 20% (khoảng 21,24%)¹.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 26/2012/QH13 nêu trên, cần thiết phải nghiên cứu điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

- Đảm bảo thực hiện kịp thời quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 26/2012/QH13.

- Đảm bảo thu nhập thực tế cho người nộp thuế phù hợp với biến động của giá cả từ thời điểm năm 2020.

- Việc điều chỉnh mức GTGC sẽ đảm bảo chính sách động viên một cách hợp lý, công bằng, góp phần nâng cao đời sống của người nộp thuế, tạo động lực khuyến khích lao động, đồng thời, kích thích tăng mức chi tiêu hộ gia đình, tăng tiêu dùng của xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Thực hiện đúng quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 26/2012/QH13.

- Phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, sự biến động của giá cả từ thời điểm điều chỉnh mức GTGC gần nhất (năm 2020) đến thời điểm điều chỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện theo quy định của Luật Thuế TNCN và Chương trình công tác của UBTVQH năm 2025, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương... xây dựng hồ sơ Nghị quyết của UBTVQH về điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN như sau:

- Ngày ..., Bộ Tài chính đã có công văn số ... lấy ý kiến các các Đoàn đại biểu Quốc hội, các Bộ, ngành, địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong đó có 06 Bộ phải lấy ý kiến theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công An, Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ.

¹ Việc tính toán chỉ số CPI cộng lũy kế quy về kỳ gốc năm 2020.

Đồng thời đã đăng tải toàn bộ dự thảo Hồ sơ Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, các cá nhân, tổ chức liên quan.

- Bộ Tài chính đã nhận được ... văn bản tham gia ý kiến.

- Bộ Tài chính đã thực hiện giải trình, tiếp thu đầy đủ các ý kiến tham gia và hoàn chỉnh hồ sơ gửi xin ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp.

- Ngày , Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định số... Bộ Tài chính đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ.

...

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định về điều chỉnh mức GTGC của thuế thu nhập cá nhân.

- Đối tượng áp dụng:

+ Người nộp thuế là các cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền công, tiền lương theo quy định.

+ Tổ chức, cá nhân trả thu nhập.

+ Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến chính sách thuế TNCN đối với mức GTGC.

2. Bố cục của Nghị quyết

Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm 2 Điều:

- Điều 1: Điều chỉnh mức GTGC của thuế thu nhập cá nhân.

- Điều 2: Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.1. Về việc điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN

Theo quy định của Luật Thuế TNCN hiện hành, cá nhân được trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, trừ đi mức GTGC, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo quy định... số còn lại mới là thu nhập làm căn cứ tính thuế TNCN.

Luật Thuế TNCN (áp dụng từ 01/01/2009) quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN số 26/2012/QH13 (áp dụng từ 01/7/2013) quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng. Đồng thời bổ sung quy định: Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh

mức GTGC gần nhất thì Chính phủ trình UBND tỉnh điều chỉnh mức GTGC quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo.

Ngày 02/6/2020 UBND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBND về điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020). Theo đó, nâng mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng. Việc điều chỉnh nâng mức GTGC của thuế TNCN đã góp phần giảm bớt nghĩa vụ cho người nộp thuế, số thuế phải nộp sẽ được giảm cho mọi đối tượng đang nộp thuế TNCN. Với mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng và cho mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng như hiện nay thì người có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở mức 17 triệu đồng/tháng (nếu có 1 người phụ thuộc) hay mức 22 triệu đồng/tháng (nếu có 2 người phụ thuộc) sau khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì hiện nay cũng chưa phải nộp thuế TNCN.

Luật Thuế TNCN quy định về giảm trừ cho bản thân người nộp thuế, giảm trừ cho người phụ thuộc mà người nộp thuế phải nuôi dưỡng. Quy định này thể hiện nguyên tắc "công bằng" và "khả năng nộp thuế", có tính đến đặc thù, hoàn cảnh của người nộp thuế: người có thu nhập cao hơn thì nộp thuế nhiều hơn, người có thu nhập như nhau nhưng có hoàn cảnh khó khăn, nhiều người phụ thuộc hơn thì nộp thuế ít hơn, người có thu nhập thấp chưa phải nộp thuế.

Về bản chất, quy định về giảm trừ trước khi tính thuế đảm bảo nguyên tắc cá nhân cần phải có một mức thu nhập nhất định nhằm đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của cuộc sống như: ăn, ở, đi lại, học tập, khám chữa bệnh..., vì thế, thu nhập trên ngưỡng này mới phải nộp thuế. Việc áp dụng các khoản giảm trừ còn hướng tới mục tiêu loại trừ các đối tượng có thu nhập thấp ra khỏi diện phải nộp thuế TNCN.

Thời gian qua có ý kiến cho rằng mức GTGC vẫn còn thấp, nhưng cũng có ý kiến cho rằng mức GTGC hiện nay không thấp khi so sánh với mặt bằng chung về mức sống, thu nhập của người dân hiện nay, có nhiều người lao động hiện đang có thu nhập chưa đến mức phải nộp thuế. Ngoài ra, cũng có ý kiến cho rằng, cần quy định mức GTGC theo mức lương tối thiểu vùng, mức GTGC ở các đô thị, thành phố lớn cần phải cao hơn ở khu vực nông thôn, miền núi do chi phí đắt đỏ hơn; cũng có ý kiến cho rằng phải có chính sách thuế điều tiết cao hơn đối với cá nhân ở các đô thị, thành phố lớn để hạn chế nhập cư, di dân vào các đô thị lớn... Tuy nhiên, mức GTGC cho người nộp thuế, người phụ thuộc của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế TNCN là mức cụ thể theo mặt bằng chung của xã hội, không phân biệt người có thu nhập cao hay thấp, với nhu cầu tiêu dùng khác nhau và sống ở các địa bàn khác nhau. Pháp luật về thuế TNCN ở các nước, bao gồm cả các nước phát triển và đang phát triển chỉ quy định mức GTGC chung, áp dụng thống nhất, không phân biệt theo địa bàn và các bộ phận dân cư. Đối với các cá nhân làm việc tại các địa bàn khó

khẩn, Luật Thuế TNCN đã quy định không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN khoản trợ cấp khu vực, trợ cấp thu hút, trợ cấp chuyển vùng... nhằm hỗ trợ người lao động cũng như thu hút cá nhân làm việc tại các địa bàn này. Ngoài ra, cá nhân có khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo thì pháp luật về thuế TNCN có quy định giảm thuế cho các trường hợp này.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, hầu hết pháp luật Thuế TNCN của các nước đều có quy định về mức GTGC theo các hình thức và cách thức khác nhau. Về phân loại, các khoản giảm trừ TNCN các nước áp dụng được chia thành ba nhóm sau: i) giảm trừ chung cho cá nhân người nộp thuế; ii) các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc, như giảm trừ cho con, cho vợ hoặc chồng, cho bố, mẹ...; và iii) các khoản giảm trừ có tính chất đặc thù (ví dụ, giảm trừ cho chi phí y tế, giáo dục...). Cụ thể như sau:

- Các khoản giảm trừ chung: Đây là khoản được loại trừ ra khỏi thu nhập tính thuế, được quy định cụ thể tại Luật Thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thi hành, không xem xét đến “hành vi” sử dụng thu nhập của cá nhân người nộp thuế (khác với các khoản giảm trừ đặc thù trình bày dưới đây). Trên phương diện lý thuyết, lý do áp dụng các khoản giảm trừ chung thường xuất phát từ quan điểm cho rằng mỗi cá nhân cần phải có một mức thu nhập nhất định nhằm đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, vì thế thu nhập đến ngưỡng này nên được miễn thuế. Việc áp dụng các khoản giảm trừ chung ở nhiều nước còn hướng tới mục tiêu loại trừ các đối tượng có thu nhập thấp ra khỏi diện phải nộp thuế TNCN. Qua đó, giảm bớt gánh nặng cho cơ quan thuế trong việc quản lý, quyết toán thuế, nhất là khi số thuế thu được từ các đối tượng có thu nhập dưới ngưỡng thường chiếm tỷ trọng nhỏ, trong khi chi phí quản lý thu đối với các đối tượng này lại không nhỏ. Do nhu cầu sống của các cá nhân người nộp thuế rất khác nhau (nhu cầu tiêu dùng khác nhau, đặc điểm tiêu dùng của mỗi vùng mỗi khác...), kinh nghiệm các nước cũng cho thấy việc đưa ra mức giảm trừ bao giờ cũng là vấn đề thường có nhiều ý kiến khác nhau.

- Các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc: Là các khoản giảm trừ áp dụng cho những người mà đối tượng nộp thuế phải nuôi dưỡng (người phụ thuộc). Tuy nhiên, phạm vi người phụ thuộc của các nước cũng có sự khác biệt và có các tiêu chí khác nhau. Mức giảm trừ quy định cho người phụ thuộc thường được quy định thấp hơn so với mức giảm trừ cho cá nhân người nộp thuế. Một số nước có khống chế số lượng người phụ thuộc được tính giảm trừ (ví dụ, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a...), song cũng có nhiều nước không khống chế (ví dụ, Mỹ, Anh). Cũng có nước không quy định riêng mức giảm trừ cho người phụ thuộc và cho cá nhân người nộp thuế mà quy định một mức chung (ví dụ Trung Quốc...).

- Các khoản giảm trừ đặc thù: Đây là các khoản giảm trừ mà đối tượng nộp thuế được hưởng khi đáp ứng được một số tiêu chí nhất định, ví dụ như chi tiêu cho các khoản mục mà nhà nước cần khuyến khích (ví dụ cho y tế, giáo dục...). Theo đó, phạm vi các khoản giảm trừ này cũng rất đa dạng. Có quốc gia cho phép giảm trừ các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... để khuyến

khích người dân tham gia các dịch vụ này; có quốc gia cho phép giảm trừ chi phí giáo dục của con hoặc là có quốc gia cho phép giảm trừ đối với các khoản lãi tiền vay mua nhà trả góp (để khuyến khích người dân sở hữu nhà) hay là các khoản đóng góp từ thiện.

Phương thức quy định về mức GTGC cho người nộp thuế cũng rất khác nhau giữa các quốc gia. Có quốc gia quy định một mức cứng tương tự như Việt Nam (ví dụ, Trung Quốc, Ác-hen-ti-na...), nhưng có quốc gia quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) thu nhập và khống chế mức giảm trừ tối đa (ví dụ, Thái Lan, Hàn Quốc...). Quy mô của các khoản giảm trừ được các nước thiết kế chủ yếu dựa vào quan điểm của từng nước trong chính sách động viên về thuế TNCN và thường không dựa vào một công thức cụ thể nào. Hầu hết các quốc gia xác định mức giảm trừ bản thân người nộp thuế ở mức tương đương từ 0,6 đến 1,5 lần thu nhập bình quân đầu người; nếu tính thêm giảm trừ cho người phụ thuộc thì mức GTGC thường tương đương khoảng từ 1 đến 2 lần thu nhập bình quân đầu người.

Ngoài ra, đối với các nước đang phát triển, qua tham khảo về những thay đổi chính sách thuế TNCN ở các nước này trong thời gian qua cho thấy tần suất điều chỉnh các khoản giảm trừ ít thường xuyên hơn so với các nước phát triển. Luật Thuế các nước này nhìn chung cũng không quy định cứng tần suất bao lâu sẽ thực hiện điều chỉnh nên thực tế thường được ổn định trong một thời gian nhất định.

Việc thực hiện chính sách thuế TNCN có vai trò rất quan trọng để triển khai chính sách phân phối lại, đảm bảo công bằng xã hội. Cùng với các nguồn thu khác, nguồn thu từ thuế TNCN đã được sử dụng để đáp ứng rất nhiều các nhu cầu chi cho đầu tư phát triển, an ninh quốc phòng, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo. Việc áp dụng thuế TNCN cần đảm bảo phù hợp với hoàn cảnh sống của người nộp thuế đặt trong bối cảnh KT-XH, mức sống và thu nhập bình quân của người lao động.

Đối với nước ta, mức GTGC hiện hành được áp dụng từ năm 2020 đến nay nên cũng cần thiết phải rà soát, đánh giá lại để đề xuất phương án sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp với các điều kiện mới. Mức GTGC cụ thể cần được nghiên cứu, tính toán một cách kỹ lưỡng, đảm bảo cao hơn GDP bình quân đầu người, tiền lương tối thiểu vùng, mức chi tiêu bình quân đầu người trong một giai đoạn nhất định.

Việc điều chỉnh mức GTGC ngoài tham chiếu chỉ số CPI, có thể tham chiếu thêm các yếu tố: GDP bình quân đầu người, thu nhập bình quân lao động,...

Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất các phương án điều chỉnh mức GTGC để trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định như sau:

*** Phương án 1: Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh theo tốc độ tăng CPI theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 26/2012/QH13**

Theo số liệu của Cục Thống kê thì chỉ số CPI từ năm 2020 đến nay cụ thể

như sau:

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Dự báo năm 2025
So với năm trước	3,23%	1,84%	3,15%	3,25%	3,63%	4,5-5%
So với năm gốc	3,23%	5,12%	8,43%	11,96%	16,02%	21,24%

Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính

Trong giai đoạn từ năm 2020 đến hết năm 2025, chỉ số CPI lũy kế dự kiến tăng **21,24%** thì có thể xem xét để điều chỉnh tương ứng với mức tăng của chỉ số CPI, cụ thể như sau:

- Mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế từ **11** triệu đồng/tháng lên khoảng **13,3** triệu đồng/tháng.

- Mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc tăng từ **4,4** triệu đồng/tháng lên **5,3** triệu đồng/tháng.

Việc điều chỉnh mức mức GTGC cho người nộp thuế và cho mỗi người phụ thuộc theo biến động của chỉ số CPI theo đúng quy định của Luật Thuế TNCN hiện hành, bám sát phương diện cơ sở áp dụng các khoản giảm trừ theo nhu cầu thiết yếu của cuộc sống và mức độ trượt giá từ thời điểm điều chỉnh mức GTGC gần nhất (năm 2020).

***Phương án 2: Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh theo tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người và tốc độ tăng GDP bình quân đầu người**

Theo số liệu của Cục Thống kê thì biến động về chỉ số nhập bình quân đầu người và GDP bình quân đầu người từ năm 2020 như sau:

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Dự báo năm 2025
Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng)	4,2	4,205	4,67	4,96	5,4	5,88
Tốc độ tăng so với năm 2020		0,12%	11,19%	18,1%	28,57%	40%

Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Dự báo năm 2025 ²
--	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	---------------------------------

² Theo Nghị quyết số 192/2025/QH15 thì GDP bình quân đầu người năm 2025 dự kiến trên 5.000 USD

GDP bình quân (USD)	3.521	3.717	4.124	4.282	4.700	5.000
Tốc độ tăng so với năm 2020		5,57%	17,12%	21,61%	33,48%	42%

Nguồn: Cục Thống kê - Bộ Tài chính

Căn cứ theo tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người và GDP bình quân đầu người năm 2025 so với năm 2020 nêu trên thì mức GTGC có thể điều chỉnh như sau:

- Mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế từ 11 triệu đồng/tháng lên khoảng **15,5** triệu/tháng.
- Mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc tăng từ 4,4 triệu đồng/tháng lên khoảng **6,2** triệu đồng/tháng.

Việc điều chỉnh mức GTGC theo tốc độ tăng GDP bình quân đầu người và thu nhập bình quân đầu người sẽ góp phần giảm nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế ở mức cao hơn, người dân được hưởng thành quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đời sống xã hội được nâng lên. Thực hiện phương án này sẽ có tác động làm giảm thu NSNN ở mức cao hơn. Tuy nhiên, mức GTGC cao hơn, đồng nghĩa với số thuế phải nộp ít đi, thu nhập khả dụng của người dân sẽ tăng lên, qua đó, sẽ góp phần kích thích tăng chi tiêu hộ gia đình, tiêu dùng xã hội và cải thiện đời sống của người dân, qua đó có thể gián tiếp làm tăng thu NSNN từ các nguồn thu khác trong trung và dài hạn.

Với mức giảm trừ dự kiến, những người có thu nhập thấp hơn sẽ được hưởng lợi nhiều hơn. Tuy nhiên, việc điều chỉnh tăng mức GTGC sẽ có tác động làm giảm thu NSNN từ thuế TNCN trong một số năm đầu. Số giảm thu NSNN có thể được bù đắp một phần từ số tăng thu của các sắc thuế tiêu dùng khác do thu nhập khả dụng của người nộp thuế tăng.

3.2. Hiệu lực thi hành

Căn cứ quy định tại Luật số 26/2012/QH13, Bộ Tài chính trình Chính phủ phương án điều chỉnh mức GTGC nêu trên để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo. Theo đó, mức GTGC mới sẽ được thực hiện kể từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.

4. Tác động đến ngân sách nhà nước

Với phương án nêu trên, mức GTGC mới sẽ làm giảm mức điều tiết thuế TNCN phải nộp đối với tất cả đối tượng nộp thuế, đảm bảo phù hợp với biến động về chỉ số giá tiêu dùng. Tuy nhiên, chính sách này nhằm đảm bảo động viên thu nhập một cách hợp lý, công bằng, góp phần nâng cao đời sống của người nộp thuế, tạo động lực khuyến khích lao động, đồng thời, kích thích tăng mức chi tiêu hộ gia đình, tăng tiêu dùng của xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, qua đó, về lâu dài sẽ góp phần ổn định và tạo thêm nguồn thu cho NSNN.

Các phương án đề xuất nêu trên đều làm giảm thu ngân sách nhà nước, trong đó số giảm thu NSNN theo phương án 02 là cao hơn, cụ thể:

- Số giảm thu theo phương án 01 là: 12.000 tỷ đồng.
- Số giảm thu theo phương án 02 là: 21.000 tỷ đồng.

Tuy nhiên, số giảm thu NSNN có thể được bù đắp một phần từ số tăng thu của các sắc thuế tiêu dùng khác do thu nhập khả dụng của người nộp thuế tăng. Nhằm bù đắp số hụt thu trước mắt do thực hiện chính sách, Chính phủ tập trung chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện các giải pháp như sau:

Một là, tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chính sách tài khóa theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, thúc đẩy các động lực tăng trưởng GDP năm 2025 đạt ít nhất 8% và phấn đấu hai con số trong điều kiện thuận lợi hơn, qua đó tạo thêm nguồn thu cho NSNN.

Hai là, quyết liệt trong công tác thu NSNN, tăng cường quản lý, cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế, nhất là trong các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm, thu từ đất, chuyển nhượng bất động sản, hoạt động thương mại điện tử, hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, nâng cấp ứng dụng nhằm vận hành ổn định hệ thống hóa đơn điện tử trên toàn quốc, hệ thống Công thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài, các hộ, cá nhân kinh doanh kê khai, nộp thuế từ hoạt động thương mại điện tử; mở rộng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trong các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn theo chuỗi, kinh doanh xăng dầu, vàng, đồn đốc thu nộp, phấn đấu tăng thu ở những địa bàn, lĩnh vực để bù đắp số thu bị giảm do thực hiện chính sách; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), cơ sở dữ liệu lớn (BIG DATA) vào công tác hỗ trợ người nộp thuế, quản lý nợ thuế, phân loại hồ sơ hoàn thuế... Phấn đấu thu NSNN năm 2025 cao hơn khoảng 20% so với ước thực hiện năm 2024.

Ba là, điều hành chi NSNN chặt chẽ, tăng cường tiết kiệm chi; Chủ động sử dụng dự phòng, dự trữ và các nguồn lực hợp pháp khác để chi phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ cấp bách phát sinh theo quy định, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết do người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế thực hiện, không phát sinh thêm chi phí cho người nộp thuế. Cơ quan quản lý thuế thì thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ nên đã được NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động. Vì vậy, dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết gồm:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
- Từ các nguồn lực hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị quyết và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị quyết kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể để cơ quan thuế tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Thời gian trình UBTVQH thông qua

Theo Chương trình công tác của UBTVQH năm 2025 tại Nghị quyết số 1326/NQ-UBTVQH15 ngày 23/12/2024 thì dự kiến UBTVQH sẽ xem xét, thông qua Nghị quyết về điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN tại Phiên họp thứ 50 (tháng 10/2025).

Trên đây là Tờ trình dự án Nghị quyết của UBTVQH về điều chỉnh mức GTGC của thuế thu nhập cá nhân.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin trình kèm: Dự thảo Tờ trình Chính phủ; Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng kết việc thi hành chính sách GTGC của thuế thu nhập cá nhân; Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Nghị quyết; Bản đánh giá về thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc; Bản so sánh dự thảo Nghị quyết với quy định hiện hành).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để biết);
- Lưu: VT, CST (TN).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/UBTVQH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO ngày 17/7/2025

NGHỊ QUYẾT
VỀ ĐIỀU CHỈNH MỨC GIẢM TRỪ GIA CẢNH
CỦA THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân

*** Phương án 1:**

Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 như sau:

a) Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 13,3 triệu đồng/tháng (159,6 triệu đồng/năm);

b) Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 5,3 triệu đồng/tháng.

*** Phương án 2:**

Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 như sau:

a) Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 15,5 triệu đồng/tháng (186 triệu đồng/năm);

b) Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 6,2 triệu đồng/tháng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026./.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày tháng năm 2025.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Mẫn

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO ngày 17 7 2025

BÁO CÁO

**Tổng kết việc thi hành chính sách giảm trừ gia cảnh của
thuế thu nhập cá nhân**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành chính sách giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân từ năm 2020 (thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất theo Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14) đến nay. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước

Tại Điều 1 Luật số 26/2012/QH13 quy định “Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo”.

Ngày 02/6/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh (GTGC) của thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công, theo đó: Mức giảm trừ đối với mỗi đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm); Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020.

Theo Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, trong đó tại khoản b Điều 1 điều chỉnh chỉ tiêu “Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5 - 5%”.

Theo đó, với mức biến động CPI năm 2025 dự kiến từ 4,5-5% thì biến động chỉ số CPI từ 2020 đến hết 2025 sẽ vượt 20% (khoảng 21,24%).

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Qua hơn 5 năm thực hiện chính sách GTGC của thuế TNCN, việc tổng kết quá trình thực hiện như sau:

2.1. Chính sách GTGC hiện hành của thuế TNCN

Tại Điều 1 Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 của UBTVQH hội quy định:

“Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13 như sau:

1. Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm);

2. Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng”

Tại Điều 2 Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 quy định:

“Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020”.

2.2. Về việc triển khai các giải pháp quản lý áp dụng chính sách GTGC của thuế TNCN.

Việc GTGC cho bản thân người nộp thuế và cho người phụ thuộc vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế TNCN từ tiền lương, tiền công đã quy định tại Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12, được người nộp thuế biết và áp dụng từ 01/01/2009. Đến năm 2020, mức GTGC quy định tại Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 đã điều chỉnh tăng mức GTGC theo quy định tại Luật Thuế TNCN. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14, trong thời gian qua, Bộ Tài chính đã chỉ đạo Cục Thuế thực hiện các giải pháp sau:

a) Ban hành các văn bản hướng dẫn quyết toán thuế TNCN (số 636/TCT-DNNCN ngày 12/3/2021, số 883/TCT-DNNCN ngày 24/3/2022) hướng dẫn về cách tính GTGC đối với bản thân người nộp thuế và người phụ thuộc cho các cá nhân và tổ chức trả thu nhập thực hiện quyết toán thuế TNCN. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan thuế địa phương nắm tình hình vướng mắc trong quá trình triển khai; hướng dẫn, giải đáp kịp thời các vướng mắc về chính sách, công tác quản lý thuế TNCN (trong đó chú trọng chính sách GTGC) cho người nộp thuế.

b) Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế. Cơ quan thuế triển khai hệ thống dữ liệu thuế tập trung (TMS) trên phạm vi toàn quốc. Cung cấp các ứng dụng hỗ trợ người nộp thuế kê khai, nộp thuế TNCN để người nộp thuế có thể kê khai và nộp tờ khai đăng ký cấp mã số thuế, tờ khai nộp thuế, quyết toán thuế TNCN đã được thực hiện qua cổng thông tin điện tử, cá nhân đã có thể đăng ký MST người phụ thuộc, đăng ký cấp MST, nộp hồ sơ quyết toán thuế trực tuyến trên hệ thống thông tin điện tử hoặc thông qua ứng dụng Etax mobile, ...

c) Thực hiện công tác tuyên truyền hướng dẫn việc áp dụng chính sách về GTGC của thuế TNCN như:

- Xây dựng tài liệu tuyên truyền chính sách GTGC của thuế TNCN cho các đối tượng nộp thuế để dùng cho các địa phương.

- Phối hợp với Đài Truyền hình Trung ương, Đài Truyền hình kỹ thuật số, Đài Truyền hình các địa phương giới thiệu Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 dưới các hình thức phổ biến; phỏng vấn; hỏi – đáp; tiểu phẩm về thuế TNCN. Một số báo lớn ở Trung ương và địa phương đều có

chuyên mục tuyên truyền về chính sách thuế TNCN nói chung và chính sách GTGC của thuế TNCN nói riêng.

- Cung cấp và tiếp nhận thông tin về thuế TNCN, nội dung về GTGC thuế TNCN trên trang website của Cục Thuế, Thuế tỉnh, thành phố ...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GTGC CỦA THUẾ TNCN

1. Chính sách GTGC của thuế TNCN đã góp phần đảm bảo công bằng trong điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư trong xã hội để động viên một cách hợp lý thu nhập dân cư, khuyến khích mọi cá nhân tạo thêm sức lao động, sản xuất kinh doanh, gia tăng thu nhập làm giàu chính đáng.

Luật Thuế TNCN hiện hành có quy định GTGC trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú. Người có thu nhập thấp hơn mức GTGC thì chưa phải nộp thuế. Người có thu nhập cao hơn mức GTGC phải nộp thuế theo biểu thuế lũy tiến từng phần gồm 7 bậc (5%; 10%; 15%; 20%; 25%; 30%; 35%). Quy định nêu trên đã thể hiện nguyên tắc công bằng và khả năng nộp thuế của người có thu nhập, cụ thể: Người có thu nhập thấp thì chưa phải nộp thuế, người có thu nhập cao hơn phải nộp thuế nhiều hơn, người có thu nhập như nhau nhưng có hoàn cảnh khác nhau thì mức nộp thuế khác nhau.

2. Mức GTGC áp dụng từ năm 2020 đến nay (năm 2025) phù hợp với thực tế phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua.

Về bản chất, quy định về GTGC trước khi tính thuế đảm bảo nguyên tắc cá nhân cần phải có một mức thu nhập nhất định nhằm đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của cuộc sống như: ăn, ở, đi lại, học tập, khám chữa bệnh.... Vì thế, thu nhập trên ngưỡng này mới phải nộp thuế TNCN. Mức GTGC cho người nộp thuế, người phụ thuộc của người nộp thuế là mức cụ thể theo mặt bằng chung của xã hội.

Việc thực hiện mức GTGC của thuế TNCN góp phần giảm bớt nghĩa vụ thuế cho mọi đối tượng đang nộp thuế TNCN, tăng thêm phần TNCN nắm giữ để phục vụ cuộc sống. Ví dụ như với mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng và cho mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng như hiện nay thì người có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở mức 17 triệu đồng/tháng (nếu có 1 người phụ thuộc) hay mức 22 triệu đồng/tháng (nếu có 2 người phụ thuộc) sau khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì hiện nay cũng chưa phải nộp thuế TNCN. Theo đó, áp dụng các khoản giảm trừ còn hướng tới mục tiêu loại trừ các đối tượng có thu nhập thấp ra khỏi diện phải nộp thuế TNCN.

3. Chính sách GTGC với mức hợp lý và ổn định trong thời gian qua đã góp phần đảm bảo huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước, đảm bảo huy động nguồn lực để nhà nước giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội.

**BIỂU 1.1: BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ,
NGƯỜI PHỤ THUỘC CỦA THUẾ TNCN
TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG NĂM 2020, 2021, 2022, 2023(*)**

Năm	Tổng số người nộp thuế (đơn vị: người)	Tổng số người phụ thuộc (đơn vị: người)	Tổng số thuế TNCN (đơn vị: tỷ đồng)
2020	2.311.736	669.125	61.304
2021	4.498.247	2.281.511	78.292
2022	4.597.511	2.465.838	84.221
2023	3.831.608	2.151.010	73.598

(Ghi chú: Số liệu khai thác của các cá nhân có tổng hợp thu nhập năm nộp thuế theo biểu thuế lũy tiến từ bậc 1 đến bậc 7).

**BIỂU 1.2 SỐ LIỆU CHI TIẾT THUẾ TNCN TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG
THEO BIỂU THUẾ SUẤT (7 BẬC) NĂM 2020, 2021, 2022, 2023 (**)**

Bậc Thuế	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Số NNT	Số Thuế TNCN	Số NNT	Số Thuế TNCN	Số NNT	Số Thuế TNCN	Số NNT	Số Thuế TNCN
	(đv: Người)	(đv: Tỷ đồng)	(đv: Người)	(đv: Tỷ đồng)	(đv: Người)	(đv: Tỷ đồng)	(đv: Người)	(đv: Tỷ đồng)
Bậc 1	1.353.743	2.742	3.178.632	4.797	3.152.623	4.683	2.592.539	4.459
Bậc 2	419.580	2.888	562.694	3.899	604.716	4.328	523.101	3.717
Bậc 3	238.873	4.219	336.731	5.568	370.075	6.272	315.353	5.284
Bậc 4	145.689	5.911	206.610	7.622	231.597	8.713	196.387	7.425
Bậc 5	67.839	5.799	99.000	7.691	112.025	8.740	95.220	7.503
Bậc 6	35.142	5.722	48.982	7.292	55.377	8.272	47.331	7.144
Bậc 7	50.870	34.023	65.598	41.422	71.098	43.215	61.677	38.066
Tổng	2.311.736	61.304	4.498.247	78.292	4.597.511	84.221	3.831.608	73.598

Ghi chú: Số liệu () và (**) khai thác từ ngày 31/5-10/6/2025)*

4. Đánh giá chi tiết số thu theo từng bậc thuế qua các năm từ 2020 đến hết năm 2023.

Theo dữ liệu trên hệ thống tập trung của ngành thuế trong năm 2020, 2021, 2022, 2023 số lượng cá nhân có tổng hợp thu nhập trong năm nộp thuế TNCN từ tiền lương, tiền công từ bậc 1 đến bậc 7 có sự tăng giảm hàng năm: năm 2020 có hơn 2,3 triệu người nộp thuế với số thuế TNCN đạt 61.304 tỷ đồng; năm 2021 có gần 4,5 triệu người nộp thuế (bằng 195% so với năm 2020) với số thuế TNCN đạt 78.292 tỷ đồng (bằng 128% năm 2020); năm 2022 có gần 4,6 triệu người nộp thuế (bằng 102% so với năm 2021) với số thuế TNCN đạt 84.221 tỷ đồng (bằng 108% so với năm 2021); năm 2023 có hơn 3,8 triệu người

nộp thuế (bằng 83% so với năm 2022) với số thuế TNCN đạt 73.598 tỷ đồng (bằng 87% so với năm 2022).

Cụ thể tại các bậc thuế như sau:

+ Số thu thuế TNCN ở bậc 7 (cá nhân nộp thuế ở mức cao 35%) cao nhất so với các bậc khác: năm 2021, 2022 hơn 40 nghìn tỷ đồng, năm 2020 và 2023 gần 40 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ lệ trên 50% tổng số thuế TNCN của 7 bậc.

+ Số thu thuế TNCN tại bậc 1, bậc 2 (mức thuế suất 5%, 10%) hàng năm khoảng gần 3 nghìn tỷ đồng đến hơn 4 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ lệ khoảng gần 6% của mỗi bậc.

+ Số thu thuế TNCN tại bậc 3 (mức thuế suất 15%) hàng năm từ hơn 4 nghìn tỷ đồng đến hơn 6 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ lệ khoảng 7%.

+ Số thu thuế TNCN tại các bậc 4, 5, 6 hàng năm từ gần 6 nghìn tỷ đồng đến gần 9 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ lệ khoảng 10% của mỗi bậc.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Thời gian qua, có ý kiến cho rằng mức GTGC vẫn còn thấp so với mức sống hiện nay. Bên cạnh đó, do sự biến động của nền kinh tế, chỉ số CPI từ 2020 đến hết 2025 sẽ vượt 20% (khoảng 21,24%).

Do đó, để đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, sự biến động về chỉ số giá thì mức GTGC hiện hành được áp dụng từ năm 2020 đến nay cũng cần thiết phải rà soát, đánh giá, nghiên cứu điều chỉnh nâng mức GTGC cho người nộp thuế theo quy định tại Điều 1 Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 của Quốc hội. Việc nâng mức GTGC khi tính thuế TNCN đảm bảo phù hợp với tình hình nước ta trong thời gian tới và tương đồng với các nước có điều kiện tương tự.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành chính sách giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng
Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, CST (TN).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO ngày 17/7/2025

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân (TNCN). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

- **Mục đích:** Việc xem xét, đối chiếu, đánh giá các chủ trương, đường lối của Đảng, các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật, Điều ước quốc tế có liên quan nhằm phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- **Yêu cầu:** Rà soát toàn bộ các văn bản, cập nhật các văn bản mới.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- **Phạm vi rà soát:** Tất cả các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản pháp luật, Điều ước quốc tế có liên quan.

- **Nội dung rà soát:** Các quy định của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật, Điều ước quốc tế...có liên quan đến chính sách điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN.

- **Đối tượng rà soát:** các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Điều ước quốc tế và các văn bản khác... có liên quan đến chính sách điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Các chủ trương, đường lối của Đảng

(1) Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu các

đột phá chiến lược: (1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; (2) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

(2) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 10 năm giai đoạn 2021 - 2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 tại Đại hội Đảng lần thứ XIII cũng đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH và định hướng cải cách hệ thống chính sách thuế như sau:

“Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế”.

“... Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”.

(3) Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trong đó nhấn mạnh việc tập trung *“Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế...”*.

(4) Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 (tại khoản 2 Điều 4) đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp về cải cách hệ thống chính sách thuế như sau: *“Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dự địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.... Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế...”*.

(5) Tại Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó đã đưa ra các giải pháp cụ thể đối với thuế TNCN là: *“Rà soát bổ sung đối tượng chịu thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng điều chỉnh số lượng và các mức thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế phù hợp với bản chất của từng loại thu*

nhập, tạo điều kiện đơn giản trong quyết toán thuế TNCN cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về miễn, giảm thuế phù hợp với bối cảnh KT-XH của đất nước trong từng giai đoạn và thông lệ quốc tế”.

(6) Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025, trong đó tại Điều 3 nêu nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

"3.1. Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực; từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; các quy định của luật phải ổn định, phổ quát, lâu dài, chỉ quy định những vấn đề khung, mang tính nguyên tắc; chủ động, tích cực, khẩn trương xây dựng hành lang pháp lý, cơ chế khuyến khích cho những vấn đề mới, dự án công nghệ cao, dự án lớn, xu hướng mới, tạo khung khổ pháp lý cho chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn.

...

3.6. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, sáng tạo:...Có chính sách hữu hiệu để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào khu vực công.”.

(7) Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) số 04/2007/QH12, có hiệu lực thi hành từ 01/7/2013. Tại khoản 4 Điều 1 Luật Thuế TNCN số 26/2012/QH13 quy định: *"Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo”.*

(8) Nghị quyết số 1326/NQ-UBTVQH15 ngày 23/12/2024 của UBTVQH về chương trình công tác của UBTVQH năm 2025 thì dự kiến UBTVQH sẽ xem xét, thông qua Nghị quyết về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN tại Phiên họp thứ 50 (tháng 10/2025) của UBTVQH.

Đề xuất phương án xử lý: Tại dự thảo Nghị quyết của UBTVQH về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN đề xuất chính sách theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước tại các văn bản nêu trên, tăng mức giảm trừ gia cảnh để phù hợp với tình hình KT-XH khi mức chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với lần điều chỉnh gần nhất là tại Nghị quyết số

954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 của UBTVQH về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật

Qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, nội dung về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN chỉ được quy định tại Nghị quyết của UBTVQH về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN và tại Luật Thuế TNCN hiện hành. Do đó, việc điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN không tác động đến các chính sách được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác.

3. Các điều ước quốc tế

Đến nay, Việt Nam đã ký 80 Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với các nước và vùng lãnh thổ. Trong số 80 Hiệp định đã ký, có 76 Hiệp định đã có hiệu lực, 04 Hiệp định (giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa An-giê-ri dân chủ và nhân dân, Chính phủ nước Cộng hòa A- Rập Ai Cập, Chính phủ Cộng hòa Ma-xê-đô-ni-a và Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ) chưa có hiệu lực.

- Điều 9 Luật Thuế TNCN quy định: Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về thuế TNCN khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

- Khoản 1 Điều 6 Luật điều ước quốc tế quy định: Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp.

Các Hiệp định thuế chỉ phân chia quyền đánh thuế giữa hai quốc gia, không quy định về việc thực thi các quyền đánh thuế do quyền đánh thuế của mỗi nước sẽ được thực hiện theo các quy định cụ thể trong nội luật của mỗi nước. Đồng thời, với mục đích tránh đánh thuế hai lần, Hiệp định thuế không tạo ra nghĩa vụ thuế mới.

Việc đàm phán, hợp tác quốc tế trên nguyên tắc có đi có lại. Trước khi quyết định ký điều ước quốc tế có quy định khác hoặc chưa được quy định trong Luật, Nghị quyết của Quốc hội quy định trái pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH, cơ quan có thẩm quyền quyết định ký điều ước quốc tế phải trình UBTVQH cho ý kiến (theo quy định tại Điều 14 Luật điều ước quốc tế), một số điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội (khoản 1 Điều 29 Luật điều ước quốc tế).

Đánh giá chung về tính tương tích: Qua rà soát quy định về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN và quy định tại các Điều ước (Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ các nước) không có quy định mâu thuẫn, chồng chéo.

4. Phụ lục (kèm theo).

Trên đây là Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Nghị quyết của UBTVQH về điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng
Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, CST (TN) (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

Phụ lục

Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu các đột phá chiến lược: (1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; (2) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. - Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 10 năm giai đoạn 2021 - 2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 tại Đại hội Đảng lần thứ XIII cũng đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH và định hướng cải cách hệ thống chính sách thuế như sau: “Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần thiết	Nghiên cứu bổ sung quy định về tăng mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công.	Đã thể chế đầy đủ	Tại dự thảo Nghị quyết đã đưa ra 02 phương án điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh để phù hợp với tình hình KT-XH.

lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế”.

“... Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”.

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trong đó nhấn mạnh việc tập trung “*Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế...*”.

- Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 (tại khoản 2 Điều 4) đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp về cải cách hệ thống chính sách thuế như sau: “*Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dự địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.... Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế...*”.

- Tại Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó đã đưa ra các giải pháp cụ thể đối với thuế TNCN là: “*Rà soát bổ sung đối tượng chịu thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng*

điều chỉnh số lượng và các mức thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế phù hợp với bản chất của từng loại thu nhập, tạo điều kiện đơn giản trong quyết toán thuế thu nhập cá nhân (TNCN) cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về miễn, giảm thuế phù hợp với bối cảnh KT-XH của đất nước trong từng giai đoạn và thông lệ quốc tế”.

- Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025, trong đó tại Điều 3 nêu nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

“3.1. Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp

Đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực; từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; các quy định của luật phải ổn định, phổ quát, lâu dài, chỉ quy định những vấn đề khung, mang tính nguyên tắc; chủ động, tích cực, khẩn trương xây dựng hành lang pháp lý, cơ chế khuyến khích cho những vấn đề mới, dự án công nghệ cao, dự án lớn, xu hướng mới, tạo khung khổ pháp lý cho chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn.

...

3.6. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc

đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, sáng tạo:...Có chính sách hữu hiệu để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào khu vực công."			
Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) số 04/2007/QH12, có hiệu lực thi hành từ 01/7/2013. Tại khoản 4 Điều 1 Luật Thuế TNCN số 26/2012/QH13 quy định: "Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo".	Với mức biến động CPI năm 2025 dự kiến từ 4,5-5% thì biến động chỉ số CPI từ 2020 đến hết 2025 theo tính toán của Cục Thống kê sẽ vượt 20% (khoảng 21,24%). Do đó, cần thiết nghiên cứu bổ sung quy định về tăng mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công.	Đã thể chế đầy đủ	Tại dự thảo Nghị quyết đã đưa ra 02 phương án điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh để phù hợp với tình hình KT-XH.
Nghị quyết số 1326/NQ-UBTVQH15 ngày 23/12/2024 của UBTVQH về chương trình công tác của UBTVQH năm 2025 thì dự kiến UBTVQH sẽ xem xét, thông qua Nghị quyết về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN tại Phiên họp thứ 50 (tháng 10/2025) của UBTVQH	Thực hiện đúng theo chương trình công tác của UBTVQH.	Đã thể chế đầy đủ	Tại dự thảo Nghị quyết đã đưa ra phương án để Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết ngay tại kỳ họp Quốc hội thứ 10 khóa XV

Hà Nội, ngày tháng năm

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN,
PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, VIỆC ĐẢM
BẢO BÌNH ĐẲNG GIỚI, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG
DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI VỀ
ĐIỀU CHỈNH MỨC GIẢM TRỪ GIA CẢNH CỦA
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá về thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc trong dự án Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân (TNCN). Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Ngày 22/11/2012, Quốc hội thông qua Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN số 04/2007/QH12, có hiệu lực thi hành từ 01/7/2013. Tại khoản 4 Điều 1 Luật Thuế TNCN số 26/2012/QH13 quy định: *"Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo"*.

Ngày 02/6/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh (GTGC) của thuế TNCN, theo đó: Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm); Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020.

Tại Nghị quyết số 1326/NQ-UBTVQH15 ngày 23/12/2024 của UBTVQH về chương trình công tác của UBTVQH năm 2025 thì dự kiến UBTVQH sẽ xem xét, thông qua Nghị quyết về điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN tại Phiên họp thứ 50 (tháng 10/2025) của UBTVQH.

Theo đó, kể từ thời điểm năm 2020, trường hợp CPI biến động trên 20% thì Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức GTGC quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê) đã công bố thì chỉ số CPI năm 2020 tăng 3,23%, CPI năm 2021 tăng 1,84%, CPI năm 2022 tăng 3,15%, CPI năm 2023 tăng 3,25% và CPI năm 2024 tăng 3,63%.

Theo Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, trong đó tại khoản b Điều 1 điều chỉnh chỉ tiêu "Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5 - 5%".

Theo đó, với mức biến động CPI năm 2025 dự kiến từ 4,5-5% thì biến động chỉ số CPI từ năm 2020 đến hết năm 2025 theo tính toán của Cục Thống kê sẽ vượt 20% (khoảng 21,24%)¹.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 26/2012/QH13 nêu trên cần thiết phải nghiên cứu điều chỉnh mức GTGC của thuế TNCN.

3. Mục đích, yêu cầu đánh giá

3.1. Mục đích đánh giá

- Về thủ tục hành chính:

Đánh giá sự đơn giản, thuận tiện, công khai, minh bạch và hiệu quả của các thủ tục hành chính, nhằm giảm bớt gánh nặng cho người dân và doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Về việc phân quyền, phân cấp:

Đánh giá việc phân chia quyền lực và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền, đảm bảo sự phù hợp với tình hình thực tế, tăng tính chủ động, sáng tạo của các địa phương, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, quản lý nhà nước, và thúc đẩy sự phát triển của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Về việc bảo đảm bình đẳng giới:

Đánh giá việc thực hiện các chính sách tại dự thảo Nghị quyết về bình đẳng giới, đảm bảo quyền và cơ hội bình đẳng giữa nam và nữ theo chủ trương của Đảng và Nhà nước đã đề ra.

- Về chính sách dân tộc:

Đánh giá việc thực hiện các chính sách dân tộc, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng, tôn trọng và phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội giữa các dân tộc của đất nước.

¹ Việc tính toán chỉ số CPI cộng lũy kế quy về kỳ gốc năm 2020.

3.2. Yêu cầu đánh giá

- Việc đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, minh bạch và toàn diện.
- Việc đánh giá đảm bảo tính hiệu quả, đúng, trung đối tượng, phù hợp với thực tiễn.
- Việc đánh giá cần đảm bảo tính toàn diện, tổng thể của các đối tượng chịu sự đánh giá.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính

Nội dung quy định về điều chỉnh mức GTGC tại dự thảo Nghị quyết không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

2. Việc phân quyền, phân cấp

Nội dung về điều chỉnh mức GTGC tại dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về việc phân cấp, phân quyền.

3. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Các nội dung tại dự thảo Nghị quyết không quy định các vấn đề liên quan đến chính sách giới nên không có tác động về giới, không ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bình đẳng giới của Đảng và Nhà nước.

4. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Các nội dung tại dự thảo Nghị quyết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các dân tộc; bình đẳng, không tạo ra sự phân biệt giữa các dân tộc; bảo đảm điều kiện phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**BẢN SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
VỀ ĐIỀU CHỈNH MỨC GIẢM TRỪ GIA CẢNH CỦA THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH**

Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2025	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 1. Mức giảm trừ gia cảnh Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13 như sau: 1. Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm); 2. Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng.	Điều 1. Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân * <u>Phương án 1:</u> Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 như sau: a) Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 13,3 triệu đồng/tháng (159,6 triệu đồng/năm); b) Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 5,3 triệu đồng/tháng. * <u>Phương án 2:</u> Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 như sau: a) Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là	Căn cứ theo biến động CPI. Căn cứ theo biến động của thu nhập bình quân và tốc độ tăng GDP bình quân đầu người.

Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2025	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	15,5 triệu đồng/tháng (186 triệu đồng/năm); b) Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 6,2 triệu đồng/tháng.	
Điều 2. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020. 2. Các trường hợp đã tạm nộp thuế theo mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13 được xác định lại số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo mức giảm trừ gia cảnh quy định tại Nghị quyết này khi quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2020.	Điều 2. Hiệu lực thi hành Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026./. <i>Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày tháng năm 2025.</i>	